Quyển 33 (Kinh số 919 - 939)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 33 985

QUYỂN 33 919. BA LOẠI NGỰA HAY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: The gian có ba loại ngựa hay. Là ba loại nào? Có loại ngựa nhạy bén đầy đủ, nhimg sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhung hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhạy bén đầy đủ5 sắc đầy đủ và hình thể cung đầy đủ. ở trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có ba hàng thiện nam. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ5 sắc đay đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ? sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đày đủ? nhimg sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, tự nhận biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật... (cho đến) không thể vì họ mà đinh đoạt giải thích; đây gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Nghĩa là hạng người không có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đến) khiến thí chủ không phát tâm cúng dường các món cần dùng và thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hình thể không đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy ỉa, nhưng sắc không đầy đủ, hình the không đay đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ? nhưng hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.919. 0233Ồ13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.145. 0429a09); A. 3.142 - L 290; A. 9.22 - IV. 397.

986 KINH TẠP A-HÀM

nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đày đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật... (cho đến) vì họ mà quyết định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đếrỉ) khiến thí chủ không phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng và thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đây đủ, săc đây đủ, nhimg hình thê không đây đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đày đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật...

(cho đếrỉ) có thể vì họ mà quyết định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là có hình thể đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đến) có thể khiến thí chủ phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng và thuốc thang tri bệnh. Đây gọi là thiện nam có hình thể đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

920. BA LOẠI NGƯA QUÝ2 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm? vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: The gian có ba loại ngựa quý được nhà vua dùng để kéo xe. Là ba loại nào? Đó là loại ngựa quý có sác đây đủ, loại ngựa quý có sức lực đây đủ và loại ngựa quý có sự nhanh nhẹn đầy đủ. Cũng vậy, trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai có ba hàng thiện nam đáng được người thế gian cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam có sắc đay đủ, hàng thiện nam có sức lực đầy đủ và hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam sống trong tịnh giới Ba-la-đề-mộc-xoa 5 thực hành đầy đủ oai nghi và hành xứ, thấy lôi nhỏ nhặt sanh tâm sợ hãi5 luôn giữ gìn học giới. Đây gọi là hàng thiện nam có sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sức lực đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam này đôi với các pháp ác và bất thiện đã sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng để đoạn trừ chúng; đối với pháp ác và bất thiện

2Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(ro2. 0099.920. 0233cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.146. 0429a23); Mã hữu tam tướng kỉnh (7.02. 0114. 050ÓCÍ1); A. 3.96-98 -L 244-45.

chưa sanh thì phát khởi ước muốn nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng khiến chúng không sanh khởi; đối với pháp thiện chưa sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng làm cho chúng sanh khởi; đối với pháp thiện đã sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng nhằm duy trì chúng, không để tổn giảm. Đây gọi là hàng thiện nam có sức lực đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ... (cho đến) đạt được quả vị A-la-hán, không còn tái sanh. Đây gọi là có sự nhạy bén đầy đủ. Đây gọi là những hàng thiện nam có sắc đầy đủ, có sức lực đầy đủ và có sự nhạy bén đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

921. BỐN ĐỨC3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Trong thế gian, nếu có một loại ngựa hội đủ bốn phẩm chất tốt lành thì phải biết đó là con ngựa quý, có thể dùng để kéo xe cho vua. Là bốn phẩm chất nào? Đó là hiền thiện, nhanh nhạy, giỏi chịu đựng và nhu thuận. Cũng vậy, người thiện nam nào thành tựu bốn đức thì được mọi người kính trọng, phụng sự cúng dường, là ruộng phước cao quý. Bốn đức ấy là gì?

Đó là người thiện nam thành tựu giới thân4 Vô học, đinh thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vô học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

922. Tự ĐIỀU PHỤC VÀ BỊ ĐIỀU PHỤC5 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Đó là, có loại ngựa tốt khi được đóng vào xe thì giúp xe giữ được thăng bằng, chỉ cần nhìn thấy bóng roi liên chạy nhanh,

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.921. 0234a08). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.147/0429b08); A. 4.259-260 -II. 250-51. 4 Giới thân ()còn được dịch là 4tgiới tụ"(),ugiới uẩn”(,sīlakkhandhani).

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.922. 0234al6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.148.0429bl5); A. 4.113 - IL 114.

khéo quan sát các động tác của người điều khiển để chạy nhanh hoặc chậm, hoặc đi bên trái hay bên phải, thuận theo ý của người điều khiển. Này các Tỳ- kheo, đây là những phẩm chất của loại ngựa tốt thứ nhất ở thế gian. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt, nhưng không phải do quay nhìn bóng roi liền tự biết sợ mà phải dùng đến roi, gậy chạm vào lông đuôi của nó thì mới có thể làm nó sợ hãi, khiến chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hoặc chậm, đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ- kheo, đây là những phẩm chất của] loại ngựa tốt thứ hai ở the gian. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt nhimg không phải do quay nhìn bóng roi hay phải dùng roi chạm vào lông, vào da thịt để khiến nó làm theo ý người mà cần phải dùng đến roi, gậy đánh nhẹ vào da thịt mới có thê khiến nó sợ hãi rồi chạy theo ý người điều khiển, hoặc chạy nhanh hoặc chạy chậm, đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ-kheo5 đây là những phẩm chất của] loại ngựa tốt thứ ba [ở thế gian]. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt nhưng không phải do nhìn bóng roi hay chạm vào vào lông, vào da thịt, hay đánh nhẹ vào da thịt để khiến nó làm theo ý người mà can phải dùng đen dùi sắt đâm vào thân, xuyên qua da, đả thương xương cốt, sau đó ngựa mới kinh hãi mà kéo xe trên đường thuận theo ý người điều khiển, hoặc nhanh hoặc chậm, hoặc đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ-kheo, đây là những phàm chát của] loại ngựa tót thứ tư ở thê gian. Cũng vậy, trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có bốn hàng thiện nam. Là bốn hàng nào? Đó là hàng thiện nam khi vừa nghe tin có người nam hay người nữ ở thôn xóm khác bị bệnh tật khốn khổ, hoặc sắp chết, liền sanh lòng lo sợ5 nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là có thể tự điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ nhất khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe tin có người nam hay người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già, bệnh, chết liền sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy mà phải đích thân trông thấy những người nam, người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia cần phải chạm vào lông đuôi

của nó thì mới có the điều phục nó theo ý người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ hai khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe tin hay tự thân chứng kiến những người nam, người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già, bệnh, chết liền sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy mà chỉ khi chứng kiến những người thân quyến ở thành ấp hay thôn xóm bên cạnh bị khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng sợ hãi, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt thì sau đó mới điều phục theo ý người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ ba khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật.

Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe và thấy những người nam, người nữ ở thôn xóm khác và những người thân thuộc bị khổ vì già, bệnh, chết liền sanh lòng sợ hãi, nương theo chánh tư duy mà phải tự thân mình chịu khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng nhàm chán, sợ hãi, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia chỉ khi bị đâm vào da thịt, thấu tận xương cốt, sau đó mới chịu điều phục theo ý của người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ tư khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

923. BA CÁCH LUYỆN NGƯA (2)6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có người làm nghề huấn luyện ngựa tên là Chỉ-thi7 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con nhận thấy con người trong thế gian thật là thấp kém, giống như bầy dê. Bạch Thế Tôn! Chỉ có con là có khả năng điều phục được ngựa cuông, ngựa hoang, ngựa chứng. Con có phương pháp, chỉ cân trong giây lát là có the khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo chứng tật đó mà có cách điều phục nó. Phật hỏi thôn trưởng làm nghề huấn luyện ngựa: Ông dùng bao nhiêu cách để điều phục ngựa?

Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Có ba cách để điều phục ngựa chứng. Đó là ba cách nào? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật lại hỏi thôn trưởng: -Nếu như ông dùng ba cách này để điều phục ngựa mà vẫn không điều phục được thì phải làm thế nào? Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nếu vẫn không điều phục được thì nên giết nó. Vì sao như vậy? Vì không thể để nó khiến con hổ thẹn. Người huấn luyện ngựa lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, vậy thì Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều phục chúng sanh?

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.923. 0234Ồ21). Tham chiếu: A. 4.m - II. Il2. 7 Chỉ-thi (,kesi).

Phật nói với thôn trưởng: Ta cũng dùng ba phương pháp để điều phục chúng sanh. Đó là ba phương pháp nào? Một là thuần túy mềm mỏng. Hai là thuần túy cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật lại nói với thôn trưởng: Phương pháp thuần

túy mềm mỏng nghĩa là Ta dạy họ rằng: "Đây là nghiệp thiện của thân; đây là phước quả từ nghiệp thiện của thân. Đây là nghiệp thiện của miệng, của ý; đây là phước quả từ nghiệp thiện của miệng, của ý. Đây gọi là trời, đây gọi là người, đây gọi là sự hóa sanh của cõi thiện, đây gọi là Niết-bn." Đó gọi là phương pháp thuần túy mềm mỏng. Phương pháp thuần túy cứng rắn nghĩa là Ta dạy họ rằng: uĐây là nghiệp ác của thân; đây là phước quả từ nghiệp ác của thân. Đây là nghiệp ác của miệng, của ý; đây là phước quả từ nghiệp ác của miệng, của ý. Đây gọi là địa ngục, đây gọi là nga quỷ, đây gọi là súc sanh, đây gọi là đường ác, đây gọi là đọa vào đường ác." Đây gọi là phương pháp thuần túy cứng rắn của Như Lai. Phương pháp vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nghĩa là Như Lai có lúc nói về nghiệp thiện của thân, có lúc nói về phước quả từ nghiệp thiện của thân; có lúc nói về nghiệp thiện của miệng, của ý; có lúc nói về phước quả từ nghiệp thiện của miệng, của ý; có lúc nói vê nghiệp ác của thân, có lúc nói vê quả báo từ nghiệp ác của thân; có lúc nói vê nghiệp ác của miệng, của ý; có lúc nói vê quả báo từ nghiệp ác của miệng, của ý; như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, nga quỷ, như vậy gọi là đường ác, như vậy thì đọa đường ác. Đây gọi là phương pháp dạy dỗ vừa mềm mỏng vừa cứng rắn của Như Lai J Người huấn luyện ngựa lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Khi Ngài dung ba phương pháp trên để điều phục chúng sanh, nếu vẫn có người không điều phục được thì Ngài sẽ làm thế nào? Phật nói với thôn trưởng: Cũng nên giết đi. Vì sao như vậy? Vì chớ nên khiến cho Ta hổ thẹn.

Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nếu sát sanh thì đối với giáo pháp của Thế Tôn là không thanh tịnh. Trong pháp của Thê Tôn cũng không cho phép sát sanh mà nay Ngài lại bảo giết, vậy thì nghĩa lý này thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng: Đúng vậy, đúng vậy! Đối với giáo pháp của Như Lai thì việc sát sanh là không thanh tịnh, trong pháp của Như Lai cũng không cho phép sát sanh. Tuy nhiên, trong pháp của Như Lai nếu đã dùng ba phương pháp trên để dạy dỗ mà

vẫn không điều phục được thì người này Như Lai sẽ không nói đến, không dạy dô, không nhác nhở nữa. Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Người mà trong pháp Như Lai không còn nói đến, không dạy dỗ, không nhắc nhở nữa thì đó chăng phải như người đã chết sao? Ngưòd huân luyện ngựa bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đung thật như thế! Như Lai không nói đến họ? không hề dạy dỗ, cũng không nhắc nhở thì họ thật sự như người đã chết. Thưa Thế Tôn! Vì vậy, kể từ hôm nay, con xin dứt bỏ các nghiệp ác, bất thiện. Phật nói với thôn trưởng: -Lành thay, khi nói lời này! Bấy giờ, thôn trưởng huấn luyện ngựa Chỉ-thi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi rời đi. ***

924. TÁM LOẠI NGƯA CHỨNG8 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tai Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: ở thế gian có tám loại ngựa chứng. Là tám loại nào? Đó là ngựa chứng lúc kéo xe thì chân sau đạp người, chân trước quỵ xuống đất, đầu ngúc ngắc và muốn cắn người. Đây là loại ngựa chứng thứ nhất ở thế gian. Lại nữa, ngựa chứng lúc kéo xe thì cúi đâu xuổng làm rung

cái ách xe. Đây là loại ngựa chứng thứ hai ở thế gian. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe thì đi vào đường hẹp, hoặc kéo lệch một bên khiến cho xe lật. Đây là loại ngựa chứng thứ ba [ở thê gian]. Lại nữa, ngựa chứng có lúc kéo xe lại ngẩng đầu mà phóng đi. Đây là loại ngựa chứng thứ tư [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe, vừa bị roi gậy đánh khẽ thì nó liền làm cho đứt dây cương, hoặc làm đứt dám và phóng chạy lung tung. Đây là loại ngựa chứng thứ năm [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe thì nhấc hai chân trước rồi lồng lên giống như con người. Đây là loại ngựa chứng thứ sáu [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe phải dùng đến roi gậy thì nó mới chịu đứng yên không cử động. Đây là loại ngựa chứng thứ bảy [ở thế gian]. r r r Lại nữa, ngựa chứng ở thê gian lúc kéo xe thì bôn chân chụm lại, quỵ sát đất không chiu đứng lên. Đây là loại ngựa chứng thứ tám [ở thế gian].

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.924. 0235a06). Tham chiếu: Tạp. (7.02. 0099.925. CÌ235b22);% Tạp.(r.02. 0100.150. 0430a28); Biệt Tạp.(7.02. 0100.149. 0429c11); A 8.13-IV. I88z 8.14-IV. 190.

Cũng vậy, người xấu ở thế gian có tám điều lầm lỗi trong Chánh pháp và Giới luật. Đó là tám điều gì? Nghĩa là có Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền ệiận dữ, chỉ trích trở lại người cử tội răriệ "Thây si mê9 khônệ hiểu biết, không tót bụng. Người ta vừa cử tội thây, sao thây lại cử tội t6i?" Giong như con ngựa chứng kia hai chân sau đạp, hai chân trước quỵ xuống đất làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi lầm thứ nhất của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa chứng tức giận ngúc ngắc cô làm gãy ách. Đây gọi là lỗi lầm thứ hai của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi nhung không biết dùng lời chín chắn để báo đáp mà nói lảng sang chuyện khác rồi sân hận, kiêu căng, chối tội, ôm hận? không chịu nhận, lại còn làm những điều vô lý? giống như con ngựa kia không chịu đi đường thẳng mà cố làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi lầm thứ ba của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vi Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi để cho vi ấy nhớ lại, nhưng vi này lại nói rằng: "Tôi chẳng nh&", lại còn ương ngạnh chẳng chịu phục, giống như con ngựa chứng kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi lầm thứ tư của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bi các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền tỏ ra khinh miệt, không coi ngườd khác ra gì, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tự ý ôm y bát bỏ di, giông như ngựa chứng kia bi roi gậy liền bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi lầm thứ năm của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền ngồi lì trên giường cao mà tranh luận quanh co với các Thượng tọa, giống như ngựa chứnẹ kia đứng nhấc hai chân trước rồi lồng lên giống như con người. Đây gọi là lôi lâm thứ sáu của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì nín lặng chăng đáp, cố ý làm xúc não đại chúng, giống như ngựa chứng kia bi roi, gậy vẫn trơ trơ chẳng động. Đây gọi là lỗi lam thứ bảy của

con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bi các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền xả giới, tự mình thoái thất, rồi đến trước cửa chùa nói rằng: "Ông cứ mặc nhiên mà sông an ổn vui vẻ, tôi tự xả giới lui ”,giống như con ngựa chứng kia bốn chân chụm lại, phục thân sát đất không chịu cử động. Đây gọi là lỗi lầm thứ tám của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Tỳ-kheo! Đây gọi là tám lỗi lầm của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 33 993

925. TÁM ĐỨC CỦA HIỀN sĩ9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở thế gian, loại ngựa tốt có đầy đủ tám phẩm chất, biết lựa chọn đường tốt, biết thuận theo ý người.10 Là tám phẩm chất nào? Được sanh ra trong xứ sở của loại ngựa tốt. Đây là phẩm chất thứ nhất để được gọi là ngựa tốt. . r \ Lại nữa, ngựa tót có bản tánh ôn hòa, hiên lành, không làm người hoảng sợ. Đây là phẩm chất thứ hai của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt không kén chọn thức ăn thức uống. Đây là phẩm chất thứ ba của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt tránh xa những nơi nhơ nhớp, chọn đất sạch để nằm. Đây là phẩm chất thứ tư của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt luôn biểu lộ các tính cách nóng vội khiến người huấn luyện nhận biết, để người huấn luyện điều phục, giúp nó từ bỏ những tính cách đó. Đây là phẩm chất thứ năm của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe thì nó sẽ không để ý những con ngựa khác, tùy vào cỗ xe nặng, nhẹ mà khéo dùng hết sức lực của mình. Đây là phẩm chất thứ sáu của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt thường đi theo đúng đường, không đi lạc đường. Đây là phẩm chất thứ bảy của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tót thì dù bệnh hoạn, hoặc già yêu vân găng sức kéo xe không chán nản, không tỏ ra mệt nhọc. Đây là phẩm chất thứ tám của loại ngựa tốt. Cũng vậy, ở trong Chánh pháp và Giới luật, vị Tỳ-kheo nào thành tựu tám phẩm đức này, nên biết đó là bậc Hiền sĩ. Là tám phẩm đức nào? Bậc Hiền sĩ an trụ nơi giới chân chánh, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa ? đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy lỗi nhỏ nhặt liền sanh sợ hãi, giữ gìn học giới. Đây là phẩm đức thứ nhất của vị trượng phu trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, vị trượng phu tánh vốn hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, không phiền nhiễu, không làm những bậc Phạm hạnh sợ hãi. Đây gọi là phẩm đức thứ hai của trượng phu.

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.925. 0235b22). Tham chiếu: Tap.(02. 0099.924. 0235a06); Biệt Tạp.(r.O2. 0100.149. 0429c 11); Biết (7.0 0100.150. 0430a28); Mã hữu bát thải thí nhân kinh (7.02. 0115. 0507a07); A. 8.13 - IV. 188; 4&14-ÍV. 190. 10 Nguyên tác: Tùy nhân sở dục, thủ đạo đa thiểu ().Cú ngữ này được Đài Đại Sư Tử Hong Phật học chuyên trạm ()g©l .0 năng tuân theo yêu câu của người đanh xe và biết lựa chọn đường sá khi đi lại ().

994 KINH TẠP A-HÀM

Lại nữa, vị trượng phu đi khất thực theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không chê bai, không đắm trước. Đó là phẩm đức thứ ba của vi trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu sanh tâm chán bỏ các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý và các pháp ác, bất thiện, cùng các phiền não; chúng là nguyên nhân dẫn đến nhiều lần thọ nhận các quả báo khổ đau bức bách; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời tương lai lại càng biết nhàm chán. Đó là phẩm đức thứ tư của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu nếu nhận thấy Sa-môn nào phạm lỗi mà chối quanh, không chân thật thì lập tức thưa trình lên Đại sư và bậc thiện tri thức; được Đại sư khuyên dạy thì người kia sẽ sửa đổi. Đó là phẩm đức thứ năm của vi trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu có đầy đủ tâm cầu học, luôn nghĩ như vầy: "Cho dù người khác có học hay không học, ta cũng phải học.95 Đó là phẩm đức thứ sáu của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu tu tập Thánh đạo tám chi, không hành theo đường tà. Đó là phẩm đức thứ bảy của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán nản, không mệt mỏi. Đó là phẩm đức thứ tám của vị trượng phu. Như vậy, vi trượng phu thành tựu tám phàm dức, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến lên nhanh chóng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

926. THIỀN VÀ THIỀN ƯƠNG NGẠNH11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Thâm Cốc, tại làng Na-lê.12 Bấy giờ, Thế Tôn bảo Săn-đà Ca-chiên-diên:13 -Nên tu tập thiền chân thật, chớ tu tập thiền ương ngạnh. Ví dụ như con ngựa ương ngạnh được cột bên cạnh cái máng cỏ thì nó không hề suy nghĩ: "Ta nên làm gì? Ta không nên làm gi?" mà chỉ nghĩ đến cỏ rơm. Cũng vậy, kẻ trượng phu bị tham dục trói buộc, đoành vây nên khi tu tập thì người ấy dùng tâm tham dục để tư duy mà không biết như thật về con đường xuất ly, tâm thường rong ruổi và thuận theo sự trói buộc của tham dục để mong cầu thiền

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.926. 0235c27). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.151. Ò430C10); A 11.9-V. 322. 12 Na-lê tụ lạc Thâm Cốc tinh xá (,Nātikā, Giñjakāvasathā). 13 Săn-đà Ca-chiên-diên (SÈSandha Kaccāyana).

chứng.14 [Cũng vậy], vì bị sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ đoành vây nên khi tu tập thì [người ấy] không biết như thật về con đường xuất ly rồi dùng tâm phiền não nghi ngờ15 tư duy để mong cầu thiền chứng. Này Săn-đà! Nếu đúng là con ngựa thuần chủng khi được cột cạnh máng cỏ thì nó cũng không nghĩ đến cỏ và nước mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, người trượng phu không nghi đến việc sống với sự trói buộc tham dục va biêt như thật vê [con đường] xuất ly, không dùng sự trói buộc của tham dục để mong cầu thiền chứng. Cũng vậy, [người trượng phu] không sống với nhiều sự trói buộc của sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ mà luôn biết như thật về [con đường] xuất ly của sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ. [Vi ấy] không dùng [tâm] nghi ngờ để mong cầu thiền chứng. Như vậy, này Săn-đà! Tỳ-kheo hành thiền như vậy, không nương vào đất để tu thiền, không nương vào nước, gió, lửa, không, thức, Vô sở

hữu, Phi tưởng phi phi tưởng đe tu tập thiền, không nương vào thế giới này? không nương vào thế giới khác, không phải mặt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải chứng dắc, không phải mong cầu, không phải tùy giác, không phải tùy quán mà tu tập thiền định. Này Săn-đà! Nếu Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy thì các Thiên chủ Y-thấp-ba- la,16 Ba-xà-ba-đề17 đều cung kính chắp tay, cúi đầu đảnh lễ mà nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để thiền đinh. Khi ấy, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng phía sau cầm quạt quạt hầu Phật, Tôn giả liền bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo làm thế nào để thể nhập thiền mà không nương vào đất, nước, lửa, gió... cho đếrỉ giác, quán mà tu tập thiền định? Vì sao Tỳ-kheo tu thiền thì được các Thiên chủ Y-thấp-ba-la? Ba-xà-ba-đề chắp tay cung kính, cúi đầu đảnh lễ và nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để thiền đinh. Phật nói với Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi: Tỳ-kheo, đối với niệm tưởng về đất thì khéo điều phục được niệm tưởng đất; đối với niệm tưởng về nước, về lửa, về gió; niệm tưởng về Không vô biên xứ, niệm tưởng về Thức vô biên xứ, niệm tưởng về Vô sở hữu xứ, niệm tưởng

14 Nguyên tác: Chánh thọ ,samāpatti.

Tham dục cái ,kãmacchandanĩvarạriă, sân lặuê cái ; 15 Kinh đề cập về 5 loại triền cái. Theo Tạp.02. 0099.611. 0171024, 5 loại triền cái ấy bao gồm: bydpddcưiĩveircựia, thụy miên cái thĩnamỉddhamvaranà, trạo hối cái uddhaccạkukkuccanĩvarană , nghi cái vicikiccharũvarciiià. Đoạn kinh này, bản Hán tỉnh lược sân khuê, thụy miên, trạo cử , iw. _ : 16 Y-thấp-ba-la s. īśvara: Đại chủ tể . 17 Ba-xà-ba-đề ,Pajāpati còn gọi là đấng Sanh chủ ,Tạo vật chủ .

về Phi tưởng phi phi tưởng xứ; thế giới này, thế giới khác; mặt trời, mặt trăng; thấy, nghe, cảm, biết; hoặc chứng đắc, hoặc mong cầu; hoặc giác, hoặc quán, vị ấy thảy đều nhiếp phục được các tưởng ấy. Này Bạt-ca-lợi! Tỳ-kheo hành thiền như vậy, không nương vào đất, nước, lửa, gió... (cho đến) không nương vào giác, quán để tu tập thiền. Này Bạt-ca- lợi! Tỳ-kheo nào tu tập thiền như vậy thì các Thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba- đề đều cung kính chắp tay, cúi đầu đảnh lễ và nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để hành thiền. Trong khi nghe Phật nói kinh này, Tỳ-kheo Săn-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh; Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi không còn sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

927. ĐỊNH NGHĨA ƯU-BÀ-TẮC18 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật5 nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người dòng họ Thích tên là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc? Phật bảo Ma-ha-nam: -Người ở tại gia, đời sống trong sạch, tu tập thanh bạch, có đầy đủ tướng của người nam và phát nguyện rằng: “Con nguyện từ nay cho đến trọn đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, làm ưu-bà-tắc, xin chứng

tri cho con!" Đây gọi là ưu-bà-tắc. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là un-bà-tắc đầy đủ tín?

Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc lấy chánh tín đối với Như Lai làm gốc, vững chắc, khó lay chuyên, ngay cả các Sa-môn9 Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cho đen người the gian cũng không thể phá hoại được. Này Ma-ha-nam, đây gọi là ưu-bà-tắc có đầy đủ tín. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ giới?

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.927. 0236b 12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7L02. 0100.152. Ò431b05); s. 55.37 - v. 395.

Phật bảo Ma-ha-nam: ưu-bà-tắc đã từ bỏ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, không còn ưa thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam! Đây gọi là iru-bà-tắc có đầy 4. 9 • r • đủ giới. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ văn?

Phật bảo Ma-ha-nam: - Ưu-bà-tắc đầy đủ văn, nghĩa là khi vị ấy nghe rồi liền có thể ghi nhớ, tích tập. Đối với những gì Phật nói ở phần đầu5 phần giữa, phần cuối đều thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhát thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch19 thì vị ấy đều có khả năng thọ trì. Đó gọi là iru-bà-tắc đầy đủ văn. Ma-ha-nam lại bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ thí xả? Phật bảo Ma-ha-nam: ưu-bà-tắc đầy đủ thí xả, Ĩiệhĩa là khi bị tâm bon xẻn xấu xa ràng buộc thì vị ấy liền diệt trừ tâm bon xẻn xâu xa, sống như bậc không nhà mà tu tập bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường hành bố thí, vui thích khi buông xả tài vật, bố thí bình đang. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc đay đủ thí xả. Ma-ha-nam bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ trí tuệ? Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc đầy đủ trí tuệ nghĩa là vị ấy biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đen khổ diet." Này Ma-ha-nam! Đây gọi là iru-bà-tăc đây đủ trí tuệ. Ma-ha-nam họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

928. CƯ Sĩ VÀ A-NA-HÀM20 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thh tên là Ma-ha-nam cùng với năm trăm ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ira-bà-tắc?

19 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiên nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (,).Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr.
55; Tạp. ® (7.02. 0099.53. 0012C04). 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.928. 0236cll). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. o 100?! 53. 0431b24); s. 55.49 . v/404.

Phật đáp ưu-bà-tắc là người tại gia sống đời trong sạch... (cho đến) “Con nay ữọn đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!" Ma-ha-nam lại bạch Phật: -Kính

bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn? Phật nói với Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn nghĩa ỉa vị ấy đã đoạn tận, đã biến tri ba kiết sử: Thân kiến, giới thủ và nghi. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn. Ma-ha-nam lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là xru-bà-tắc Tư-đà-hàm?

Phật nói với Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tắc đã đoạn tận, đã biến tri ba kiết sử, giảm thiểu tham dục, sân hận và si mê. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tăc Tư-đà-hàm. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc A-na-hàm?

Phật bảo Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị đã đoạn tận, đã biến tri năm hạ phần kiết sử gồm thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân hận. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là xni-bà-tắc A-na-hàm. r e ĩ 5 Bây giờ, Ma-ha-nam quay lại nhìn năm trăm ưu-bà-tăc và nói răng: -Hay thay, các vị ưu-bà-tắc sống tại gia thanh tịnh lại được công đức sâu xa như vậy! Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dây đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

929. MƯỜI SÁU PHÁP CỦA ƯU-BÀ-TẮC21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật9 nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giờ, có người họ Thích tên là Ma-ha-nam cùng với năm trăm ưu-bà-tăc đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là xru-bà-tắc? Phật đáp: -Ưu-bà-tắc là người tại gia sống đời trong sạch... (cho đến) "Con nay trọn đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.929.0236c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.154. Ò431C12); A. 825-IV 220.

QUYỂN 33 999

Ma-ha-nam lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là ưu-bà-tắc đầy đủ mọi việc?

Phật nói với Ma-ha-nam: -Nếu ưu-bà-tắc có tín, nhimg không có giới thì vẫn chưa đầy đủ, nên phải nô lực tinh cân đây đủ tịnh giới. Nếu vị ấy có đủ tín và giới, nhưng không thực hanh bố thí thì cũng chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để cho đầy đủ. Khi tín, giới và bố thí đã đầy đủ, nhưng vị ấy không biêt tùy thời đến chỗ Sa-môn để lắng nghe và lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tùy thời đi đến chùa tháp để gặp Sa-môn. Nếu gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe và lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đầy đủ. Đối với tín, giới, thí, nghe pháp phải biết tu tập đầy đủ. Nếu đã nghe pháp rồi mà không hành trì thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải tinh cần nỗ lực, tùy thời đến chỗ Sa-môn9 chuyên tâm nghe pháp, nghe pháp rồi khéo hành trì. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp thì đó cũng là chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, khiên cho đầy đủ. Đối với tín, giới, thí, nghe pháp, nghe pháp rồi thì khéo hành trì, đã hành trì rồi thì còn phải quán sát diệu nghĩa sâu xa, nhưng nếu không tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành22 thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh can. Đoi với tín, giới, thí, nghe pháp phải khéo giữ gìn và quán sát, hiểu rõ diệu nghĩa sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc đay đủ mọi việc. Ma-ha-nam lại bạch Phật: Bạch Thế

Tôn! Thế nào ỉa uu-bà-tắc khéo an ổn chính mình, nhưng không thể an ổn cho người? Phật đáp: Đó là ưu-bà-tăc có thê tự đứng vững trong chánh giới, nhưng không thê giúp cho người khác đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ gìn tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ gìn tịnh giới đầy đủ; tự mình làm việc bố thí, nhimg không thể xây dựng sự bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa, gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa, gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe Chánh pháp, nhưng không thể khuyên người khác ưa thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình hành trì, nhimg không thể khiến cho người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình khéo quán sát diệu nghĩa sâu xa, nhimg không thể khuyên người khác quán sát diệu nghĩa sâu xa; tự mình thấu hiểu Chánh pháp sâu xa và khéo tùy thuận theo pháp và tuân tự thực hành, nhưng không thể khuyên người khác tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Người thành tựu tám pháp như vậy gọi là ưu-bà- tắc khéo an ổn chính mình, nhung không thể an ổn cho người.

22 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng .Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. r.02. 0099.27. 0005c2CO.

Ma-ha-nam lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp thì mới có thể an ổn chính mình và an ổn cho người khác? Phật bảo Ma-ha-ĩiam: Nếu ưu-bà-tắc nào thành tựu được mười sáu pháp gọi là ưu-bà-tắc khéo tự an ổn mình và an ổn cho người. Đó là mười sáu pháp gì? Này Ma-ha-nam! Nếu iru-bà-tắc tự mình đầy đủ chánh tín, cũng khéo xây dựng chánh tín cho người khác; tự giữ gìn tịnh giới, cũng khéo xây dựng tinh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và cũng khéo khuyên bảo người khác bố thí; tự mình đi chùa, gặp các vị Sa-môn, cũng khéo khuyên bảo người khác đến chùa, gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng khéo khuyên bảo người khác nghe pháp; tự mình thọ trì pháp, cũng khéo khuyên bảo người khác thọ trì pháp; tự mình biết quán sát diệu nghĩa, cũng khéo khuyên bảo người khác quán sát diệu nghĩa; tự mình hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành, cũng khéo khuyên bảo người khác hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Người thành tựu mười sáu pháp như vậy gọi là iru-bà-tắc khéo tư an ổn mình và giúp cho người khác an on. Này Ma-ha-nam! Nêu ưu-bà-tăc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy thì các đại chúng như là chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ của vị ấy. ở giữa các chúng này, oai đức của ưu-bà-tắc ấy sáng chói. Ví như mặt trời, ánh sáng chiếu soi suốt cả sáng, trưa và chiều; cũng vậy, vị xru-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp thì oai đức của họ cũng tỏ rạng cả ban đầu, chặng giữa và sau cùng. Như vậy, này Ma-ha-nam! Nếu ưu-bà"tắc nào thành tựu mười sáu pháp này thì đó là người mà thế gian khó có được. Đức Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

930. CÂY NGÃ THEO HƯỚNG NGHIÊNG VÈ23 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật? nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích tên là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn!

Nước Ca-tỳ-la-vệ này an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt mà sao mỗi khi con ra vào thành thì có rất nhiều người và vật theo sau, nào là voi cuồng, người điên, xe chạy hỗn loạn và luôn phải cùng đi với chúng.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.930.0237b21). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.155. Ỏ432bl4); s. 55.22 - v. 371.

Con cảm thấy lo sợ vì mình phải cùng sống, cùng chết với loại điên cuồng này mà quên mát niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo-tăng. Con tự nghi, nếu khi đó mà lâm chung thì sẽ sanh vào chốn nào? Phật bảo Ma-ha-nam: Chớ có sợ hãi! Sau khi lâm chung, ông nhất định không sanh vào đường ác, cũng không qua đời trong khổ sở. Ví như cây lớn đã xuôi xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu khi chặt đứt gốc rễ thì nó sẽ ngã về hướng nào? Ma-ha-nam bạch Phật: Cây sẽ ngã theo chiêu xuôi xuông, nghiêng xuông? chúi xuông của nó.

Phật bảo Ma-ha-nam: Ma-ha-nam? cũng như the! Sau khi lâm chung, ông nhất định không sanh vào đường ác? cũng không qua đời trong kho sở. Vì sao như vậy? Bởi vì ông đã luôn tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng nên khi lâm chung, cho dù thân bi hỏa thiêu, hoặc bị bỏ ngoài bãi tha ma bị gió táp và nắng thiêu, lâu ngày thành tro bụi, nhưng nhờ tâm thức đã từ lâu được huân tập bởi chánh tín, tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cho nên thần thức sẽ lên cao, hướng đến cối an lạc, đời sau sanh lên cõi trời. Ma-ha-nam nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

931. TU TẬP SÁU NIỆM24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo ở giai vị Hữu học25 có lòng mong cầu hướng thượng, trụ Niết-bàn an ổn, nhưng chưa đạt được, người ấy phải tu tập, an trụ tu tập, thuần thục những gì trong giáo pháp này để có thể dứt sạch các lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự ngộ: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh"? Phật bảo Ma-ha-nam: Nêu Tỳ-kheo đang còn ở giai vị Hữu học, muôn tiên lên Niêt-bàn an ôn mà chưa đạt được, Tỳ-kheo ấy nên tu sáu tùy niệm... (cho đen) đạt được quả vi Niết-bàn. Ví như một người bị đói khát nên thân thể gầy yếu, nếu được bồi

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.931. 0237c09). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.156. Ò432b28M6.9 - III. 284; A. 6.25 - III. 312. 25 Nguyên tác: Học địa (Sekhabhūmi): Giai vị Hữu học, chỉ cho các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà- hàm, A-na-hàm.

dưỡng những thức ăn ngon thì thân thể trô nên mập mạp. Cũng vậy, Tỳ-kheo đang ở giai vị Hữu học muốn tiến lên cảnh giới Niết-bàn an ổn mà chưa đạt được nên tu sáu tùy niệm... cho đến nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn an ổn. Những gì là sáu niệm?

Đó là vi Thánh đệ tử chớ nghĩ về những phẩm tính của Như Lai: "Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ như vậy thì không còn khởi niệm tham dục, không khởi tâm sân hận, ngu si. Nhờ tâm vị ấy chánh trực nên thấu đạt ý nghĩa Như Lai2627 và nhận được Chánh pháp của Như Lai. ở trong Chánh pháp Như Lai vị ấy đạt được tâm tùy hỷ đối với Như Lai. Do tâm tùy hỷ nên sanh hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm giác thọ lạc, do hỷ lạc mà tâm được đinh tĩnh. Do tâm đã định tĩnh nên vi Thánh đệ tử ấy dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm nhimg vẫn không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... cho đến Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về phẩm tính của Pháp: "Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết- bàn và được người trí tự mình giác hiểu. "27 Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về Pháp như vậy thì không còn khởi tham dục, sân hận, ngu si... cho đến nhờ huân tập nhớ nghĩ về Pháp mà được tiến lên quả vị Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về những phẩm tính của Tăng: uĐệ tử của đức Thế Tôn là những bậc hướng về nẻo làrứi,28 hướng về chân chánh,2930 hướng theo chân ly,30 hướng theo chân thật,31 tuần tự thực hành theo pháp.32 Có những vị hướng đến Tu-đà-hoàn? chứng quả Tu-đà-hoàn; hướng đến Tư- đà-hàm, chứng quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hm, chứng quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán, chứng quả A-la-hán. Đây là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là Tăng, đệ tử của Thế Ton, có đầy đủ tịnh giới, đầy đủ thiền định, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát và đầy đủ giải thoát tri kiến, đáng được cung đón, tôn kính cúng dường, là ruộng phước tốt. Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về Tăng như vậy thì không khởi tham dục, sân hận, ngu si... cho đen nhờ huân tập nhớ nghĩ về Tăng nên được tiến lên quả vi Niết-bàn.

26 Nguyên tác: Nghĩa atthā, vừa có nghĩa Tại ích" vừa có nghĩa là í4ý nghia." 27 Nguyên tác: Hiện pháp năng lự sanh tử xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt hiện phập, duyên tự giác tri :ế,,.Xem chú th^h59, kinh SO 550, quyên 20, tr. 610; Tạp.7.02. 0099.550. o 143b 18. 28 Nguyên tác: Thiện hướng ,suppaiỉpannd'. Hướng về điều tốt lành. 29 Nguyên tác: Chánh hướng ujuppatipanna'. Hướng về điều chân chánh. 30 Nguyên tác: Trực hướng ñāyappatipanna: Hướng theo chân lý. 31 Nguyên tác: Thành hướng saniĩcippcựipcmnà: Hướng về điều chân thật. 32 Nguyên tác: Tùy thuận pháp .Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.02. 0099.27.0005C20.

QUYỂN 33 1003

Lại nữa, vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ về giới thanh tịnh của mình như vầy: “Giới không bị hư hoại, giới không bị khiếm khuyết, giới không nhiễm 6, giới không tạp loạn, giới không bị người khác chiếm đoạt, giới khéo được hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhàm chán?9 Vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về giới như vậy nên không khởi tham dục, sân hận, ngu si... (cho đến) huân tập nghĩ về giới mà được tiến lên quả vị Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ việc làm bố thí của mình như vầy: "Ta được lợi h tốt lành, ở giữa những chúng sanh bon xẻn, keo kiệt mà ta lìa

được tâm keo kiệt, bon xẻn, sống như bậc không nhà33 để thực hành bố thí giải thoát, thường tự tay bố thí, vui thích thực hành pháp buông xả, bố thí đầy đủ và bình dẳng." Lúc vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về bố thí như vậy thì không khởi tâm tham dục, sân hận, ngu si... (cho đến) nhờ huân tập nhớ nghĩ bố thí nên được tiến lên cảnh giới Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về phẩm tính của chư thiên như vầy: “C6 cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại. Nếu ai có niềm tin chân chánh, khi qua đời ở đây thì sẽ sanh lên các cối trời kia. Ta cũng thực hành với niềm tin chân chánh như vậy. Các vị trời kia đã thành tựu tịnh giới, có bố thí, nghe pháp, buông xả, trí tuệ, nên khi qua đời ở đây đã sanh lên cõi trời ấy. Nay ta cũng sẽ thực hành tịnh giới, sẽ bố thí, nghe pháp, buông xả, trí tuệ như vay.” Khi vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ về những phẩm tính của chư thiên như vậy thì không còn khởi tham dục, sân hận, ngu si, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào chư thiên. Do tâm chánh trực như vậy mà vi Thánh đệ tử kia đạt được lợi ích sâu xa về pháp, lợi ích sâu xa về nghĩa lý, được tùy hỷ lợi ích của chư thiên. Do tâm tùy hỷ nên sanh hoan hỷ, nhờ tâm hoan hỷ mà thân khinh an, thân đã khinh an thì cảm nhận được hỷ lạc, nhờ sự hỷ lạc mà tâm được an định. Do tâm đã an định nên vị Thánh đệ tử ấy dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm, vẫn không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... (cho đến) Niết-bàn. Do huân tập nhớ nghĩ vê chư thiên nên được tiên lên cảnh giới Niêt-bàn. Này Ma-ha-nam! Nêu Tỳ-kheo nào còn ở giai vị Hữu học, muôn câu lên quả vi Niêt-bàn an lạc mà tu tập thuân thục như vậy thì chác chăn nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn? ở trong Chánh pháp và Giới luật các lậu nhanh chóng diệt tận, thành tựu tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình tác chứng: “Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam nghe Phật chỉ dạy tâm rất hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ và ra về. ***

33 Nguyên tác: Xử ư phi gia ().

1004 KINH TẠPA-HÀM

932. THÀNH Tựu MƯỜI MÔT PHÁP34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn. Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi may y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Tay chân của con hôm nay như rã rời, bốn phương chao đảo, những pháp đã nghe bây giờ quên hết khi nghe tin có số đông Tỳ- kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi y đã may xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Cho nên, nay con suy nghĩ: "Không biết lúc nào mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?" Phật nói với Ma-ha-nam rang: Dù ông có gặp hay không gặp Như Lai, có gặp các Tỳ-kheo hay không gặp các Tỳ-kheo thì chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Này Ma-ha-nam! Nên lấy chánh tín làm nền tảng, chứ không phải không có chánh tín; nên

lấy giới đầy đủ, nghe pháp đầy đủ, bố thí đầy đủ, trí tuệ đầy đủ làm nền tảng, chứ không phải không có trí tuệ. Như vậy, này Ma-ha-nam! Hãy nương tựa vào năm pháp này mà tu sáu pháp nhớ nghĩ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam! Đó là nhớ nghĩ về Như Lai. Hãy nhớ nghĩ như vầy: "Nhu Lai là bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác... (cho đến) Ngài là Phật, là Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên... (cho đến) tự mình hành trì, đạt được trí tue." Như vậy, này Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp thì sự tu tập hoàn toàn không bi bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vi giải thoát, tuy không hoàn toàn nỗ lực nhưng sẽ nhanh chóng chứng đắc giải thoát Niết-bàn. Ví như gà mẹ ấp trứng, hoặc năm hay mười trứng, tùy thời trông nom, thương yêu, bảo vệ và chăm sóc, giả sử đôi lúc gà mẹ lơ đãng, ïihtrng gà con vẫn có thể dùng móng hoặc dùng mỏ mổ vỡ trứng để chui ra. Vì sao như vậy? Vì gà mẹ lúc ban đàu đã biết tùy thời ấp ủ, khéo thương yêu, bảo vệ. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp là đã trụ vào con đường tu tập thì chung cuộc không bao giờ bại hoại... (cho đến) tuy không hoàn toàn nỗ lực, nhưng sẽ nhanh chóng chứng đắc giải thoát Niết-bàn.35

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.932. 0238b 10). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.157. Ò433blO);^. 11.11 - V. 328. 35 Câu chuyện gà mẹ (kukkutī) ấp trứng, xem thêm trong M. 53, Sekha Sutta (Kinh Hữu học).

QUYỂN 33 1005

Đức Phật nói kinh này xong, Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi ra. *** 933. THÀNH Tựu MƯỜI HAI PHÁP36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật? tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn. Lúc ấy Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: “Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi may y xong, The Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi lui ngồi một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Tay chân của con hôm nay như rã rời, bốn phương chao đảo? những pháp trước đây đã nghe bây giờ quên hết khi nghe tin có số đông Tỳ-kheo tập hợp tại nhà ăn để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi y đã may xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian." Cho nên, nay con suy nghĩ: "Không biết lúc nào mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?" Phật nói với Ma-ha-nam: Dù ông có gặp hay không gặp Như Lai, có gặp hay không gặp các Tỳ- kheo thì ông cũng phải luôn luôn siêng năng tu sáu pháp. Là sáu pháp nào? Đó là, lấy chánh tín là nền tảng; lấy giới, bố thí, nghe pháp, tánh không, trí tuệ làm nền tảng, chứ không phải không có trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam! Hãy nương tựa vào sáu pháp này rồi nỗ lực tu tập thêm sáu pháp tùy niệm, đó là nhớ nghĩ những phẩm tính của Như Lai... (cho đến) niệm thiên. Vi Thánh đệ tử thành tựu mười hai pháp tùy niệm như vậy thì các điều ác sẽ giảm bớt không còn tăng thêm, bị tiêu diệt không còn khởi nữa, dứt sạch trần cấu, không thêm trần cấu, xả bỏ không nắm giữ; vì không nắm giữ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn: "Sịt

sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ lui ra. *** 934. CHÁNH ĐỊNH VÀ GIẢI THOÁT37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ.

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.933. 0238c09). Tham chiếu: A. 11.12 - v. 332. 37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.934. 0238c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.158. ỉ)433c02); 4 3/73 - L 219.

Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Theo những gì Phật đã dạy, con hiểu như vầy: Nhờ có chánh định nên mới được giải thoát, chứ không thể không có chánh định. Bạch Thế Tôn! Có phải được chánh định trước rồi sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới được chánh định? Hay chánh định và giải thoát không có trước sau mà cả hai sanh cùng lúc? Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ma-ha-nam hỏi hai ba lần như vậy nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt quạt hầu Phật. Tôn giả A-nan suy nghĩ: "Thích Ma-ha-nam đem nghĩa lý sâu xa này thưa hỏi The Tôn, nhimg Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu. Bây giờ, ta nên nói sang vấn đề khác để tiếp lời ông." Rồi Tôn giả nói với Ma-ha-nam: -Này Ma-ha-nam! Bậc Hữu học cũng có giới, bậc Vô học cũng có giới; bậc Hữu học có tam-muội5 bậc Vô học cũng có tam-muội; bậc Hữu học có tuệ, bậc Vô học cũng có tuệ; bậc Hữu học có giải thoát, bậc Vô học cũng có giải thoát. Ma-ha-nam liền hỏi Tôn giả A-nan: Thưa Tôn giả! Thế nào là giới của bậc Hữu học? Thế nào là giới của bậc Vô học? Thế nào là tam-muội của bậc Hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc Vô học? Thế nào là tuệ của bậc Hữu học? Thế nào là tuệ của bậc Vô học? Thế nào là giải thoát của bậc Hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc Vô học? Tôn giả A-nan nói với Ma-ha-nam: Vị Thánh đệ tử này sông với tịnh giới, khép mình vào luật nghi Ba-la- đề-mộc-xoa, hành xử uy nghi, thọ trì học giới. Thọ trì học giới đầy đủ rồi, vị ấy lìa dục và pháp ác, bất thiện... (cho đến) an trụ trọn vẹn Thiền thứ tư. Khi đã có đủ tam-muội như vậy sẽ biết rõ như thật Thánh đế về khổ này, biết rõ như thật Thánh đế về nguyên nhan của khổ, biết rõ như thật Thánh đế về khổ diệt và biết rõ như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biết rõ như vậy và thấy như vậy rồi thì năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân hận được đoạn sạch, được giác tri. Năm hạ phần kiết sử này đã đoạn trừ thì sẽ sanh lên cõi kia, chứng đắc Niết-bàn A-na-hàm, không còn sanh trở lại cõi này nữa. Ngay bấy giờ, vi ấy thành tựu giới của bậc Hữu học, tam-muội của bậc Hữu học, trí tuệ của bậc Hữu học và giải thoát của bậc Hữu học. Lại trải qua thời gian khác, vị ấy đoạn sạch mọi phiền não, đạt được vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, tự mình tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ngay dây, vị ấy thành tựu giới của bậc Vô học, tam-muội của bậc Vô học, trí tuệ của bậc Vô học, giải thoát của bậc Vô học.

Như vậy, này Ma-ha-nam! Đó là những gì Thế Tôn nói về giới của bậc Hữu học, tam-muội của bậc Hữu học, trí tuệ của bậc Hữu học, giải thoát của bậc Hữu học; giới của bậc Vô học, tam-muội của bậc Vô học, tuệ của bậc Vô học, giải thoát của bậc Vô học. Khi Thích Ma-ha-nam nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui ra. Bấy giờ, đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, liền hỏi Tôn giả A-nan: -Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng? Tôn giảA-nan bạch Phật: Kính vâng, bạch Thế Tôn! Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo. Phật bảo A-nan: Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi ích tốt lành, vì bằng tuệ nhãn của Hiền thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

935. BỐN PHÁP CỦA BẬC Dự LƯU38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thích Sa-đà3940 hỏi Thích Ma-ha-nam: -Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bao nhiêu pháp? Ma-ha-nam đáp: -Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp. Là bốn pháp nào? Đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển? đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp. Thích Sa-đà nói với Thích Ma-ha-nam: Ngài chớ nói như vậy! Chớ bảo rằng Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp, nhưng rốt cuộc Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.935.0239bl2). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.159. Ò434all); s. 55.23 -V. 371. 39 Nguyên tác: Thích thị Sa-đà (,Sakyā Godhā). 40 Bất hoại tinh (,aveccappasāda). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094b02).

Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp. Sa-đà nói ba lần như vậy. Thích Ma-ha-nam không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Thích Sa-đà cũng không thể thuyết phục Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Thế rồi cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Thích Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thích Sa-đà đi đến chỗ con và hỏi thế này: :Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bao nhiêu phap?99 Con liền đáp: "Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn phLà bốn pháp nào? Đó là đối với Phật thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên, đôi với Pháp, đôi với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp như vậy. Khi đó? Thích Sa-đà noi với con: "Ma-ha-nam chớ bảo rằng Thế Tôn nói Tu- đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp mà Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Là ba pháp nào? Đó là đối với Phật thành tựu niềm tm thanh tịnh không lay chuyển, đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu ba pháp như vậy.,, Sa-đà nói ba lần như vậy. Con cũng không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn

pháp và Sa-đà cũng 7 ỉ • ỉ không thê làm cho con châp nhận ba pháp. Cho nên, chúng con cùng đên chô Thế Tôn để hỏi Thế Tôn Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp? Bấy giờ, Sa-đà từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật và chắp tay thưa rằng: -Kính bạch Thế Tôn! Nếu có những pháp tương tợ như vậy xảy ra mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo-tăng thì con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo-tăng. Hoặc có những pháp tương tợ như vậy xảy ra mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni5 ưu-bàtắc, ưu-bà-di, hoặc là trời, Ma vương, Phạm thiên, Sa-mồn, Bà-la-môn, chư thiên, loài người thì con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam: Ma-ha-nam! Sa-đà lý luận như vậy, còn ông thì thế nào?

Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Sa-đà lý luận như vậy con còn biết nói gì, con chỉ nói tốt, nói chân thật thôi. Phật bảo Ma-ha-nam: -Cho nen phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Đó là đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Hãy nên thọ trì như vậy!

QUYỂN 33 1009

Sau khi Ma-ha-nam nghe Phật chỉ dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ ra về. ***

936. Cư Sĩ BÁCH THỦ41 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tập hợp tại nhà cúng dường,42 cùng nhau bàn luận và hỏi Ma-ha-nam như vầy: -Ma-ha-nam! Thế nào là lời thọ ký tối hậu? Như trường hợp Thích Bách Thủ43 qua đời, Thế Tôn thọ ký cho ông ấy đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ,44 tối đa bảy làn sanh vào cõi trời, cõi người sẽ châm dứt khô đau. Nhưng Thích Bách Thủ đã phạm giới và uông rượu mà Thế Tôn lại thọ ký ong ta đắc Tu-đà-hoàn... cho đến chấm dứt khổ đau. Ma-ha-nam! Ông nên đến hỏi Phật rồi chúng ta sẽ hành trì đúng theo sự chỉ dạy của Ngài. Khi ấy, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Những người họ Thích chúng con ở Ca-tỳ-la-vệ tập hợp tại nhà cúng dường cùng bàn luận và hỏi con như vầy: "Ma-ha-nam! Thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Như trường họp Thích Bách Thủ qua đời, được Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... cho đến chấm dứt khổ đau. Nay ông nên đến hỏi lại Thế Tôn rồi chúng ta sẽ hành trì đúng theo sự chỉ dạy của Ngài.” Bây giờ, con xin hỏi Phật, cúi xin Ngài giải thích cho. Phật bảo Ma-ha-nam: Khi một vị Thánh đệ tử nói: "Dại sư Thiện Thệ! Đại sư Thiện The!" Miệng nói Thiện Thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến thì chắc chắn thâm nhập Thiện Thệ. Nếu vi Thánh đệ tử nói: "Chánh pháp và Luật! Chánh pháp và Luat!" Miệng nói Chánh pháp và Luật mà tâm chánh niệm, chánh kiến thì chắc chắn thâm nhập Chánh pháp. Nếu vi Thánh đệ tử nói: "Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tang!99 Miệng nói thiện hướng mà tâm chánh niệm, chánh kiến thì chắc chan thâm nhập thiện hướng.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.936. 0239c21. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 0100.160. 0434b12; s. 55.24 - v. 375. 42 Nguyên tác: Cúng dường đường

dãnaggà. Nơi các cư sĩ tại gia dâng cúng thức ăn đến bậc xuất gia. 43 Bách Thủ Thích Thị Sarakāni Sakkā. Theo s. 55.24 - v. 375, là người cư sĩ thuộcdòng họ Thích-ca tên là Sarakāni. Do vì bảïiHán chiêt tự ròi đọc kāni thành pāni, nghĩa là cánh tay và Sara thì đọc thành sata, nghĩa là 100 . 44 Nguyên tác: Tam-bồ-đề ,Sambodhi'. Giác ngộ, Chánh đẳng giác, Niết-bàn.

Cũng vậy, này Ma-ha-nam! Khi vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật, có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Pháp, đối với Tăng thì ở trong giáo pháp phát sanh trí lanh lợi, trí siêu xuất, trí kiên định, thành tựu tám món giải thoát, tự thân tác chứng, an trụ đầy đủ. Rồi bằng trí tuệ mà đoạn tri45 tát cả phiền não. Với tín tâm như vậy thì vị Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường ác. Đó gọi là bậc A-la-hán Câu giải thoát.46 Lại nữa, Ma-ha-nam! Khi vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, nhưng không đạt được tam món giải thoát và không tự mình tác chứng, an trụ đầy đủ, nhimg vị ấy thấy, biết mọi phiền não đã đoạn trừ. Đó gọi là vị Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đên) Tuệ giải thoát.47 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đôi với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, tuy đã thành tựu tám món giải thoát, tự thân \ * r Y. • e . tác chứng, an trụ đây đủ, nhimg không thây phiên não bị đoạn trừ. Đó gọi là vị Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Thân chứng.48 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, không thành tựu tam món giải thoát, không tự mình tác chứng, an trụ đầy đủ, nhưng thấy biết như thật đối với giáo pháp. Đó gọi ỉa Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Kiến đáo.49 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, tuy có thấy biết như thật đối với giáo pháp

45 Đoạn tri (©T , pariññeyyā): Nhờ buông xả và cắt đứt nên được liễu tri, chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thúc toàn diện ve bốn Thánh đế. 46 Câu giải thoát (,Ubhatobhāgavimutto) còn gọi là Câu phần giải thoát. Bậc Thánh A-la-hán giải thoát cả hai phần. M. 70, Kītāgiri Sutta (Kinh Kĩtãgirí) giải thích: "Thế nào là bậc Câu phần giải thoát? ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau Idii thân đã chưng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khoi các sắc pháp và vo sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lạu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Ty-kheo, được gọi là hạng người cẩu phần giải Úio9t" (HT. Thích Minh Châu dịch). 47 Tuệ giải thoát (B,Paññāvimutto)'. Bậc Thánh A-la-hán, nhờ sức trí tuệ đoạn trừ phiền não mà được giải thoát. Tham chiêu: M. 70, Kĩiãgiri Sutta (Kinh Kītāgirī): 4UThế nào là bậc Tuệ giải thoát? ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người sau khi thăn không chứng đắc các tích tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp va vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuẹicác lầu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Tuệ giải thoaf9 (HT* Thích Minh Châu dịch). 48 Thân chứng (Kāyasakkhī). Trong A. 3.21 - L 118, đức Phật xác định: Na khvettha, sāriputta, sukaraiỊi ekamsena byākātum: ^Ayarn imesam tinnam puggalānam abhikkantataro ca pañītataro cā ifti. Thānañhetam, sāriputta, vijjati yvāyam puggalo ditthippatto svāssa arahattāya patipanno, yvāyarn

puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vā anāgāmī vã, ẏo cāyam puggalo kāyasakkhī sopassa sakadāgāmī vā anāgāmī vã (ở đây, này Sāriputta, thật không dê gì đê trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, là hạng người Kiên chí này là hạng người đaọghướng đến A-la-hán, còn hạng người Tín giải này là hạng người Nhát lai hay Bất lai, và hạng người Thânchứng này là hạng người Nhất lai hay Bất lai), HT. Thích Minh Châu dịch. Theo kinh, chỉ cho bậc Thánh đăc quả Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm. Tuy nhiên, A-tỳ- đạt-mạ Câu-xá luân (7i29. 1558.024. 0126al5) cho rằng: Trong kinh có nói, [quả vị] Bất hoàn còn gọi là l,).Đại trỉđộluânX^^ (T25. 1509.054. 0447a22) cũng khăng định Thân chứng là quả vị A-na-hàm. 49 Kiến đáo (Ditthippatta) cũng gọi là 4tKiến chí^, ()là bậc Dự lưu, thấy biết như thật đối với giáo pháp.

QUYỂN 33 1011

nhưng chẳng được Kiến đáo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tín giải thoát.50 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tinh của của Pháp, của Tăng. Đối với năm pháp là tín, tấn, niệm, định, tuệ vi ấy dùng sức mạnh51 trí tuệ tư duy quán sát để rồi tiếp thọ.52 Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tùy pháp hàiứi.53 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng... (cho đến) năm pháp là tín, tấn, niệm, định, tuệ vị ấy chỉ dùng chút ít trí tuệ để tư duy quán sát để rồi tiếp thọ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tùy tín hành.54 Này Ma-ha-nam! Ví như cây Sa-la55 này, khi nghe những gì Ta nói mà có thê hiêu được nghĩa thì thật là vô lý. Nêu cội cây có thê hiêu thì Ta cũng thọ ký vây, huống gì Thích Bách Thủ mà Ta không thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn. Này Ma-ha-nam! Lúc Thích Bách Thủ sắp qua dời, ông ấy đã thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạng chung Ta thọ ký ông ấy đắc quả Tu-đà-hoàn... (cho đến) vượt thoát khổ đau. Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chô ngôi đứng dậy đảnh lễ và đi ra. *** 937. MÁU56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly.

50 Tín giải thoát (,Saddhāvimutto): Nhờ tín tâm cao tột với đức Phật nên được giải thoát. Theo A. 3.21 - L 118: Yvāyam puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vã anāgāmī vã (Hạng người Tín giải này là hạng người Nhất lai hay Bất lai), HT. Thích Minh Chau dịch. 51 Nguyên tác: Tăng thượng ().Theo Phật học đại từ điển của Đinh Phúc Bảo, nói chung về sức mạiã của thế và lực (). 52 Nguyên tác: Kham nhẫn (),tương đương Pãli là khanti, vừa có nghĩa thọ nhận vừa mang nghĩa tin tưởng rồi thọ trì (). 53 Tùy pháp hành (,Dhammānusārī): Hành giả dùng trí tuệ tư duy, quán sát giáo pháp để tu tập, đã vượt khỏi địa vị phàm phu, đang trên lộ trình chứng đác quả vị Dự lưu. Tùy pháp hành làyị có tuệ căn mạnh. Đại trí đô luận (7.25. 1509.040. 0349b06) giải thích: Bậc lợi căn gọi ^Tuy pháp hành. Hạng người này do biện giải giáo pháp mà chứng đạo nên gọi là Tùy pháp hành (

54 Nguyên tác: Tùy tín hành (‚Saddhānusārī)-. Hành giả lấy tín tâm làm căn bản để tu tập, đang trên lộ trình chuẩn bị chứng đác quả vị Dự lưu. Tùy tín hành là vị có tín căn mạnh. 55 Kiên Cố thọ ()tức cây Sa-la. 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.937.0240012). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100330. 0485C05); Tăng.(T.Ỏ2. 0125.51.2. 0814011); s. 15.13 - n. 187.

Bấy giờ, CÓ bốn mươi Tỳ-kheo đang ngụ ở làng Ba-lê-da/7 tất cả đều tu hạnh A-lan-nhã? khoác y phấn tảo và đi khất thực,58 nhưng còn ở giai vị Hữu học, chưa lìa dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn thầm nghĩ: "Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ngụ ở làng Ba- lê-da? đều tu hạnh A-lan-nhã, khoác y phấn tảo và đi khất thực, nhimg đang còn ở giai vị Hữu học, chưa lìa dục. Hôm nay, Ta nên thuyết pháp cho họ đe ngay đời này không còn sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát." Nghĩ rồi, Thế Tôn nói với bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-da: Chúng sanh từ vô thỉ đên nay bị vô minh che lâp, bi ái buộc cô, lưu chuyển trong đêm dài sanh từ không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Nước sông Hằng cuồn cuộn chảy vào biển lớn thì lượng nước ấy nhiều, hay là lượng máu chảy ra từ nơi thân thể của các thầy bị hủy hoại khi lưu chuyển trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đen nay là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Theo chúng con hiêu ý nghĩa mà Phật muôn nói thì khi luân chuyên trong đêm dài sanh tử, thân thể chúng con bị hủy hoại, máu đã chảy rất nhiều, nhiều gáp trăm ngàn vạn lân nước sông Hăng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy gác lại nước sông Hăng... (cho đên) nước trong bôn biên lớn là nhiêu hay là lượng máu chảy ra từ nơi thân thê của các thây bị hủy hoại trong luân hồi sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Như chúng con hiêu ý nghĩa của Thê Tôn nói thì khi lưu chuyên trong sanh tử đã lâu, thân the chúng con bị hủy hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước trong bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Trong đêm dài sanh tử lưu chuyên ây9 máu trong thân thể của các thầy đã tuôn chảy nhiều không thể tính kể, nhiều hơn cả nước sông Hăng và bôn biên lớn. Vì sao như vậy? Vì các thây đã từng sanh trong loài voi, bị cắt tai, cắt mũi, đầu, đuôi và bốn chân, máu tuôn chảy không tính kể; hoặc làm thân các loài cầm thú như ngựa, lạc đà5 lừa, trâu, chó... cũng bị cắt đứt tai, cắt mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy cũng đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị chia lia, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy đã từng chịu cảnh thân hoại mạng57 58

57 Ba-lê-da tụ lạc (Pāveyyakā). 58 Nguyên tác: A-luyện-nhã, phấn tảo y,khất thựcarañňakā pamsukūlikā pindapātika). Hành trì 3 trong 13 hạnh
Đầu-đà: Chỉ sông trong rừng, chỉ khoác y phấn tảo và chỉ khất thực (không nhận lời mời).

chung bỏ xác nơi nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy cũng không thể tính lường. Hoặc đọa địa ngục, súc sanh, nga quỷ rồi thân hoại mạng chung, máu huyết

tuôn chảy cũng vô lượng. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

- Những gì vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ!

Nếu vô thường, khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! r r Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. Rồi Phật lại bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy phải biết đúng như thật rằng những gì thuộc về sắc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bậc Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi sẽ sanh nhàm chán đối với sắc; sanh nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Khi đã nhàm chán rồi thì không còn ưa thích, vì không còn ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến, rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi đức Phật nói bài pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

938. NƯỚC MẮT59 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Chúng sanh luân chuyển mãi trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ý các thầy nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... (cho đến) nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các thầy tuôn ra trong vòng luân hồi sanh tử là nhiều?

59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.938. 0240c25). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.331. 0486al8); Tăng.(7.02. 0125.51.1. 0814a27); s. 15.3 - II. 179.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy thì nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng luân hồi sanh tử rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các thầy tuôn rơi trong vòng luân hồi sanh tử rất nhiều chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao như vậy? Vì các thầy đã khóc để tiễn biệt cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, bạn bè hay mất mát tiền của thì nước mắt nhiều không thể tính kể. Các thầy mãi chịu cảnh lâm chung bỏ xác nơi nghĩa địa, máu huyết tanh nồng chảy ra... (cho đến) đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Này các Tỳ-kheo! Các thầy đã sanh tử luân hồi từ vô thỉ đến nay, máu và nước mắt trong thân chảy ra rất nhiều không thể tính kể. Phật hỏi các Tỳ-kheo: Sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

- Những gì vô thường là khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Nếu vô thường, khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! r Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. -Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử biết như vậy, thấy như vậy... (cho đến)

được giải thoát đối với sắc, được giải thoát đối với thọ, tưởng, hành, thức, được giải thoát đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành. ***

939. SỮA MẸ60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ. J

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.939. 0241al8). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.332. Ò486Ồ24); s. 15.4 -11.180.

QUYỂN 33 1015

-Chúng sanh từ vô thỉ bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân chuyển trong đêm dài sanh tử không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Phật hỏi các Tỳ-kheo: Ý các thầy nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều, hay sữa mẹ mà các thầy đã uống trong luân hồi sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Như chúng con hiểu ý nghĩa mà Phật muốn nói thì sữa mẹ mà chúng con đã uống trong luân hồi sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các thầy đã uống trong luân hồi sanh tử còn nhiêu hơn nước sông Hăng và nước bôn biên lớn. Vì sao như vậy? Các thây đã từng nhiêu kiêp sanh trong loài voi và uông sữa mẹ nhiêu vô lượng, vô số; hoặc sanh vào các loài cầm thú như lạc dà, ngựa, trâu, lừa... cũng uống sữa mẹ nhiêu vô lượng vô sô. Các thây đã từng bỏ thân xác nơi gò mả, máu mủ cũng chảy ra vô lượng; hoặc đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh, máu tủy chảy ra cũng như vậy. Này các Tỳ-kheo! Các thầy đã luân chuyển trong sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ. Thế nào, này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, là vô thường!... {cho đến) vi Thánh đệ tử đối với năm thủ uẩn nên quán sát chẳng phải là ta chẳng phải của ta. Đã quán sát rồi thì đoi với các pháp thế gian không còn chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.61

61 Bản Hán, hết quyển 33.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.